

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164 /2020/DS-PT

Ngày: 17 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 232/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp M, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện uỷ quyền của ông M là: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: số 634, tổ 3, khu 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản uỷ quyền ngày 29/10/2018)

-Bị đơn:

1/ Ông Lê Quốc S, sinh năm 1966(có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Khu 1B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Th – Chức vụ giám đốc (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Văn M và người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ông Phạm Văn M là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 417, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 6.926m² đất toạ lạc ấp Ph, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/1999 cho ông Phạm Văn M, thửa đất này giáp với thửa đất số 689, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 7.845m² do UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/1999 cho hộ ông Lê Quốc S (Hiện nay ông S đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn V nhưng chưa làm thủ tục sang tên).

Trong thửa đất số 417 ông M có chừa ra 405,5m² để làm đường dẫn nước tưới tiêu, vào năm 2008 ông S có hỏi ông M để sử dụng nhờ đường nước nêu trên sau đó lấp dần và chiếm đoạt phần đường nước có diện tích 405,5m² của ông M. Đến năm 2015 phần đường nước có diện tích 405,5m² mà ông S đã lấn chiếm nằm trong phạm vi giải toả làm đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận nên ông V và ông S đã đứng ra kê khai phần diện tích đất này là của mình để nhận số tiền 100.000.000 đồng do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang (Nay là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang) bồi thường đối với phần đất là đường nước mà ông S lấn chiếm trước đây có diện tích 405,5m² đất toạ lạc ấp Ph, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Nay ông Phạm Văn M yêu cầu xác định phần đất diện tích 405,5m² nằm trong thửa số 417, diện tích 6.926m², nhưng phần diện tích này hiện ông V và ông S đã nhận tiền đền bù giải toả đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận, nên yêu cầu ông Nguyễn Văn V và ông Lê Quốc S liên đới trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông M trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn Văn Tr đại diện uỷ quyền nguyên đơn ông Phạm Văn M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả lại số tiền đền bù 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào năm 2005 ông có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lê Quốc S thửa số 689, tờ bản đồ TTC1, diện tích 7.845m² mục đích sử dụng đất ruộng và thửa đất số 690, tờ bản đồ TTC1 diện tích 980m² mục đích sử dụng đất vườn, đất cùng toạ lạc ấp Ph, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 470/QSDĐ do UBND huyện B cấp ngày 14/5/1999 cho hộ ông Lê Quốc S, nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông S giao đất thì ông V có ban một phần diện tích đất vườn ở thửa số 690, tờ bản đồ TTC1 diện tích 980m² vào thửa số 689, tờ bản đồ TTC1, diện tích 7.845m² lấp vũng, lung, bàu để trồng lúa, giáp với thửa đất của ông ở phía Tây là một phần thửa đất của ông Phạm Văn M một đoạn trên 10m. Đến năm 2015 thửa đất nêu trên của ông được giải toả làm đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận diện tích đất giải toả là 4.399,5m². Khi đo đạc thực tế để tính diện tích bồi thường thì phần đất ruộng của ông V ở thửa số 689 tăng lên 8.024,8m² (Nguyên nhân tăng là do ông ban phần đất vườn ở thửa số 690, tờ bản đồ TTC1 diện tích 980m² vào thửa đất số 689, tờ bản đồ TTC1, diện tích 7.845m² để làm ruộng) và được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền

Giang đền bù số tiền 1.009.789.000 đồng do phần đất này ông S còn đứng tên nên ông V có nhờ ông Lê Quốc S uỷ quyền để cho ông được nhận số tiền đền bù giải toả nêu trên. Lúc đo đạc thực tế để giải toả đền bù làm đường cao tốc thì phía ông M có ký giáp ranh cho ông V, khi đó các bên không có tranh chấp hay khiếu nại gì về phần diện tích đất tăng lên.

Nay ông Nguyễn Văn V không đồng ý trả lại số tiền đền bù 100.000.000 đồng đã nhận của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang cho ông Phạm Văn M.

Bị đơn ông Lê Quốc S trình bày:

Vào năm 2005 ông S có chuyển nhượng phần đất thửa số 689, tờ bản đồ TTC1, diện tích 7.845m² mục đích sử dụng đất ruộng và thửa đất số 690, tờ bản đồ TTC1 diện tích 980m² mục đích sử dụng đất vườn, đất cùng toạ lạc ấp Ph, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 470/QSĐĐ do UBND huyện B cấp ngày 14/5/1999 cho hộ ông Lê Quốc S cho ông Nguyễn Văn V, nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi giao đất cho ông V canh tác thì ông S có nghe ông V nói lại một phần diện tích đất đã bán đã giải toả làm đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận, nên ông V có nhờ ông S ký giấy uỷ quyền để cho ông V nhận số tiền đền bù, toàn bộ số tiền đền bù là do ông V nhận, còn đối với phần đất diện tích 405,5m² mà ông M tranh chấp thì phần diện tích này theo ông S xác định là nằm trong phần đất mà ông S đã bán cho ông V.

Nay ông Lê Quốc S không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông M về việc yêu cầu ông S và ông V liên đới trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bị ảnh hưởng được Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (Nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang) lập ngày 25/11/2015 đã được chủ hộ thống nhất về diện tích và ký xác nhận ranh giới thửa đất của các hộ giáp ranh được đơn vị chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất (Nay là Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất) để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 11/7/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất (Nay là Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất) phối hợp với các ban ngành tổ chức họp công khai và niêm yết đơn giá bồi thường đất, phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong đó có hộ ông Nguyễn Văn V (Lê Quốc S) và hộ ông Phạm Văn M. Trong quá trình niêm yết công khai các hộ không có phản ánh, thắc mắc khiếu nại đơn giá, diện tích bị ảnh hưởng và các tranh chấp có liên quan đến phần đất bị ảnh hưởng. Nên Trung tâm phát triển Quỹ đất (nay là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất) tiến hành lập thủ tục phê duyệt và chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định. Nay Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang (nay là Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang) không có ý kiến gì đối với vụ tranh chấp này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Phạm Văn M về việc yêu cầu ông Lê Quốc S liên đới trả lại số tiền 98.942.000 đồng (Chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn V trả cho ông Phạm Văn M số tiền 98.942.000 đồng (Chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.947.100 đồng (Bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn V.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn M số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09576 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông Phạm Văn M không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M là có căn cứ và phù hợp pháp luật, ông Nguyễn Văn V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Tiền Giang được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Đòi lại tài sản” là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn V xét thấy:

Nguyên đơn ông Phạm Văn M yêu cầu xác định phần đất diện tích 405,5m² nằm trong thửa số 417, diện tích 6.926m², nhưng phần diện tích đất này hiện ông Nguyễn Văn V đã nhận tiền đền bù giải toả đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận, nên yêu ông Nguyễn Văn V trả lại số tiền đền bù theo quyết định số 5779/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang cho ông M là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, ông M là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 417, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 6.926m² đất tọa lạc ấp Ph, xã Tr, huyện B, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/1999 cho ông Phạm Văn M, thửa đất này giáp với thửa đất số 689, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 7.845m² do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/1999 cho ông Lê Quốc S (Hiện nay ông S đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn V nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Căn cứ theo phiếu kết quả đo đạc ngày 19/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Tiền Giang nếu chưa tính phần diện tích đất tranh chấp 405,5m² thì phần đất của ông M có diện tích thực đo là 6.154,5m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 6.926m²), phần diện tích đất thực đo của ông S (do ông V đang quản lý) là 7.633,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.845m²), nếu cộng phần diện tích tranh chấp 405,5m² vào diện tích đất đo thực tế của ông M là 6.154,5m² + 405,5m² = 6.560m² so với giấy thì đất của ông M còn thiếu 366m²; còn nếu cộng phần diện tích tranh chấp 405,5m² vào diện tích đất đo thực tế của ông S (ông V) là 7.633,7m² + 405,5m² = 8.039,2m² so với giấy thì đất của ông S (ông V) tăng 194,2m².

Ngoài ra, theo công văn trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Tiền Giang số 2760/CV-CNVPĐK ngày 01/11/2019 xác định: Tại phiếu kết quả đo đạc ngày 24/11/2015 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang là đo đạc theo bản đồ chính quy để làm đường cao tốc nên thửa số 417, tờ bản đồ số TTC1 được tách thành hai thửa 267, tờ bản đồ số 07 và một phần thửa 19, tờ bản đồ số 11. Như vậy, phần đất của hộ ông Phạm Văn M có một phần nhập vào thửa số 19, tờ bản đồ số 11 của ông Lê Quốc S; phần đất 405,5m² tại phiếu kết quả đo đạc ngày 19/4/2017 của Chi nhánh, sau khi kiểm tra cơ sở dữ liệu từ năm 1999 đến nay vẫn thuộc của hộ ông Phạm Văn M đứng tên, không có lập thủ tục hoán đổi hoặc chuyển nhượng cho ai.

Như vậy, căn cứ theo kết quả đo đạc ngày 19/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Tiền Giang và công văn trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Tiền Giang số 2760/CV-

CNVPĐK ngày 01/11/2019 đã xác định phần diện tích tranh chấp 405,5m² là thuộc của hộ ông Phạm Văn M từ trước cho đến nay phần diện tích này hộ ông M không có chuyển nhượng hoặc hoán đổi cho ai. Tuy nhiên, phần diện tích này khi tiến hành đo đạc làm dự án đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận bị đơn ông Nguyễn Văn V đã chỉ đoàn đo đạc đo qua diện tích đất của hộ ông Phạm Văn M để nhận tiền đền bù và theo ông V cũng xác định toàn bộ số tiền đền bù là do ông nhận, nên ông V phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đền bù của phần diện tích 405,5m² cho ông M.

Căn cứ theo quyết định số 5779/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đối với hộ ông Nguyễn Văn V đối với đất trồng cây hàng năm khu vực 02 vị trí 04 đơn giá 124.000 đồng/m² x 405,5m² = 50.282.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (khu vực 02 vị trí 04) hỗ trợ 03 lần giá đất nông nghiệp, đơn giá 40.000 đồng là 405,5m² x 3 lần x 40.000 đồng = 48.660.000 đồng. Do đó, tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp mà ông V đã nhận phải hoàn trả lại cho ông M là 50.282.000 đồng + 48.660.000 đồng = 98.942.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V hoàn trả số tiền 98.942.000đ cho ông M là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn V không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm do kháng cáo của ông Nguyễn Văn V không được chấp nhận, nên ông V phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, do ông V là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nên ông V được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 232/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Phạm Văn M về việc yêu cầu ông Lê Quốc S liên đới trả lại số tiền 98.942.000 đồng (Chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn V trả cho ông Phạm Văn M số tiền 98.942.000 đồng (Chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.947.100 đồng (Bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn V.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn M số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09576 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn V số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông V đã nộp theo biên lai số 0002605 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình

